

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ F VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/01/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ F VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông Châu Vũ Bình;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - KSV.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Cẩm E**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Huỳnh Hữu F**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm E trình bày: Chị và anh F tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 06/5/2011. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh F thường xuyên ăn nhậu, tranh cãi, không lo cho vợ con, khi gây nhau thì anh tự ý bỏ đi, gia đình không rõ đi đâu làm gì sau đó anh quay về nhưng tình cảm không còn. Anh chị sống ly thân từ năm 2019, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh F.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Gia G, sinh ngày 05/3/2011; Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 25/12/2013. Chị E đang nuôi dưỡng 02 con chung, chị yêu cầu

được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh F cấp dưỡng hàng tháng 800.000 đồngx2 là 1.600.000 đồng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn anh Huỳnh Hữu F từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh F vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị E vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh Huỳnh Hữu F.

Về con chung: Chị E đang nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Gia G, Huỳnh Ngọc Bảo H, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh F cấp dưỡng hàng tháng nuôi hai con chung là 1.600.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: chị E trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị E và anh F mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2019 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị E ly hôn với anh F.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Gia G, Huỳnh Ngọc Bảo H, cháu Gia G có nguyện vọng sống với chị E, và cháu G H hiện còn nhỏ, nên cần thiết giao cho chị E tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời chị E yêu cầu anh F cấp dưỡng hàng tháng nuôi hai con chung là 1.600.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm E về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Huỳnh Hữu F có hộ khẩu thường trú tại ấp D, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Trần Thị Cẩm E, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh F tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 06/5/2011. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh F thường xuyên ăn nhậu không lo cho vợ con, khi tranh cãi thì anh tự ý bỏ nhà đi, gia đình không rõ đi đâu làm gì sau đó anh quay về nhưng tình cảm không còn. Anh chị sống ly thân từ năm 2019, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh F. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh F nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị E, điều đó chứng tỏ anh F không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh F và chị E đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị E là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Gia G, sinh ngày 05/3/2011; Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 25/12/2013. Hiện con chung đang được chị E nuôi dưỡng, đồng thời cháu Gia G có nguyện vọng được sống với chị E, cháu G H còn nhỏ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ và để hai con chung có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị E nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E yêu cầu anh F có F vụ cấp dưỡng hàng tháng 800.000 đồng x 2 là 1.600.000 đồng để nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu này là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với anh Huỳnh Hữu F Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh F.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm E.

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm E được ly hôn với anh Huỳnh Hữu F

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Gia G, sinh ngày 05/3/2011; Huỳnh Ngọc Bảo H, sinh ngày 25/12/2013 cho chị E tiếp tục nuôi chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Huỳnh Hữu F có F vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.600.000 đồng/02 con. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh F chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị E đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004183 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên chị đã thi hành xong.

Anh Huỳnh Hữu F phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Huỳnh Hữu F được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng